

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-ST

Ngày: 12-7-2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng thuê
mặt bằng lắp đặt Ăngten Viễn
Thông*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Mên

2. Ông Nguyễn Hoàng Nam

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Chung Hữu Toàn là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thuê mặt bằng lắp đặt Ăngten Viễn Thông*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2023/QĐST-DS ngày 27/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thực H, sinh năm 1932.

Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn H1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần V. Địa chỉ trụ sở chính: Số B, đường L, phường B, Quận T, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt T, chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần V: Ông Nguyễn Hữu L, chức vụ: Nhân viên pháp chế. Địa chỉ: Số D, P, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy ủy quyền số 54/2022/UQ-TGD, ngày 05/4/2022) vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Von G, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Von G: Ông Nguyễn Tấn H1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn H1 trình bày: Ngày 22/01/2010 ông H và Công ty Cổ phần V ký kết hợp đồng thuê diện tích đất lắp đặt trạm Ăngten số 31322/2010/HĐLĐT-GM, mã trạm TV-5740D với giá thuê 2.700.000 đồng/tháng, thời hạn thuê 05 năm, diện tích đất thuê là 378m², thửa đất số 480, 481, 482, 483 (nay là các thửa 1171, 1172, 1173, 1174), tờ bản đồ số 13, tọa lạc khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Ngày 30/12/2014 ông H và Công ty T1 ký phụ lục hợp đồng để gia hạn thời gian thuê đất thêm 05 năm tính từ ngày 27/01/2015 đến ngày 27/01/2019. Hết thời hạn thuê nhưng Công ty không tiếp tục ký hợp đồng và cũng không di dời hoặc tháo dỡ các thiết bị, cột Ăngten để trả lại đất cho gia đình ông H, ông H nhiều lần liên hệ với Công ty nhưng không được giải quyết, còn về chi phí thuê đất, phía Công ty vẫn chưa thanh toán xong. Nay ông H yêu cầu chấm dứt hợp đồng cho thuê mặt bằng lắp đặt trạm Ăngten Viễn thông giữa ông và Công ty Cổ phần V. Buộc Công ty Cổ phần V tháo dỡ trang thiết bị gồm các trụ neo bằng bê tông, các bình ắc quy, hộp điện bằng thiếc, các loại dây cáp điện treo trên Ăngten, cột Ăngten bằng thép, dây cáp chằng cột A, trả lại diện tích 378m², thửa đất số 480, 481, 482, 483, (nay là các thửa 1171, 1172, 1173, 1174), cùng tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho ông Nguyễn Thực H. Về tiền thuê và chi phí duy trì bảo vệ thiết bị ông H yêu cầu Công ty Cổ phần V phải thanh toán tiền thuê đất từ ngày 01/7/2017 đến ngày 16/4/2018 là 08 tháng 15 ngày x 2.700.000 đồng/tháng là 22.950.000 đồng và tiền chi phí duy trì bảo vệ trạm trong thời gian tạm ngừng hợp đồng từ ngày 20/4/2018 đến ngày 20/01/2020 là 21 tháng x 500.000 đồng/tháng là 10.500.000 đồng.

Tại bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần V, ông Nguyễn Hữu L trình bày: Công ty Cổ phần V có ký hợp đồng số 31322/2010/HĐLĐT-GM ngày 22/01/2010 về việc thuê diện tích đất lắp đặt trạm viễn thông mã trạm TV-5740D với ông Nguyễn Thực H và các phụ lục hợp đồng. Hiện nay Công ty thực hiện tái cơ cấu theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền mà các bên không thể biết trước khi giao kết hợp đồng, do đó Công ty chưa thanh toán cho ông H số tiền thuê nhà trạm nêu trên từ ngày 01/7/2017 đến ngày 16/4/2018 là 08 tháng 15 ngày x 2.700.000 đồng/tháng là 22.950.000 đồng theo biên bản tạm ngừng hợp đồng vào ngày 20/4/2018 hai bên đã ký kết. Để chuẩn bị thực hiện đề án tái cơ cấu Công ty theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền, ngày 20/3/2020 Công ty có công văn số 43/GTM-KT về việc tiếp tục tạm dừng hợp đồng thuê kể từ ngày 01/01/2020 cho đến khi Công ty triển khai mạng mới 5G. Đối với công nợ 22.950.000 đồng của ông H, do Công ty gặp nhiều

khó khăn khách quan và công nợ đến hạn quá lớn trên toàn quốc, do đó Công ty kính đề nghị ông H cho phép Công ty L1 thời hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán trong nhiều lần đến khi chấm dứt công nợ. Qua yêu cầu khởi kiện của bên nguyên đơn, ông đại diện cho Công ty đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc chấm dứt hợp đồng cho thuê mặt bằng lắp đặt trạm Ăngten Viễn thông giữa ông Nguyễn Thực H và Công ty Cổ phần V. Đồng ý thanh toán tiền thuê nhà trạm nêu trên từ ngày 01/7/2017 đến ngày 16/4/2018 là 08 tháng 15 ngày x 2.700.000 đồng/tháng là 22.950.000 đồng, tiền chi phí duy trì bảo vệ trạm trong thời gian tạm ngừng hợp đồng từ ngày 20/4/2018 đến ngày 20/01/2020 là 21 tháng x 500.000 đồng/tháng là 10.500.000 đồng nhưng đề nghị cho phép Công ty L1 thời hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán trong nhiều lần đến khi chấm dứt công nợ. Về yêu cầu tháo dỡ thiết bị của ông H, Công ty sẽ tiến hành tháo dỡ, thu hồi thiết bị là tài sản nhà nước để bảo quản theo quy định khi được phép của cơ quan chủ quản.

Tại bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Von G trình bày: Cha ruột bà là ông Nguyễn Thực H có ký kết hợp đồng cho thuê mặt bằng với Công ty Cổ phần V để lắp đặt trạm Ăngten số 31322/2010/HĐLĐT-GM, mã trạm TV-5740D với giá thuê 2.700.000 đồng/tháng, thời hạn thuê 05 năm, diện tích đất thuê là 378m² nằm trong các thửa đất số 480, 481, 482, 483, tờ bản đồ số 13, tọa lạc khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Ngày 30/12/2014 ông H và Công ty T1 ký phụ lục hợp đồng để gia hạn thời gian thuê đất thêm 05 năm tính từ ngày 27/01/2015 đến ngày 27/01/2019. Hết thời hạn thuê nhưng phía Công ty không tiếp tục ký hợp đồng và cũng không di dời hoặc tháo dỡ thiết bị, cột Ă để trả lại đất cho gia đình bà, gia đình bà nhiều lần liên hệ với Công ty nhưng không được giải quyết, còn về chi phí thuê đất, phía Công ty vẫn chưa thanh toán xong. Ông H trước đây có đứng tên 04 thửa đất là 480, 481, 482, 483, tờ bản đồ số 13, tọa lạc khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, sau đó đến năm 2020 thì chuyển qua cho bà đứng tên thửa 480, 481 nay thuộc thửa 1171, 1173. Nay bà thống nhất với nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thực H yêu cầu Công ty Cổ phần V tháo dỡ trang thiết bị gồm các trụ neo bằng bê tông, các bình ắc quy, hộp điện bằng thiếc, các loại dây cáp điện treo trên Ăngten, cột Ăngten bằng thép, dây cáp chằng cột Ă, trả lại diện tích 378m² thuộc thửa đất số 480, 481, 482, 483 nay thuộc thửa 1171, 1172, 1173, 1174, cùng tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho gia đình bà.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 472, 473, 474, 481, 482 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thực H. Buộc bị đơn phải di dời các tài sản gồm: Một (01) trụ Ăngten bằng thép, 04 trụ neo bằng bê tông có dây chằng trụ Ă, bình ắc quy, tủ điều khiển bằng thép, dây cáp

điện treo trên trụ Ăngten, để trả lại phần diện tích 378m² thuộc thửa đất số 1171, 1172, 1173, 1174, cùng tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho ông Nguyễn Thực H và bà Nguyễn Thị Von G. Buộc Công ty Cổ phần V phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thực H tiền thuê đất từ ngày 01/7/2017 đến ngày 16/4/2018 là 08 tháng 15 ngày x 2.700.000 đồng/tháng là 22.950.000 đồng và tiền chi phí duy trì bảo vệ trạm trong thời gian tạm ngừng hợp đồng từ ngày 20/4/2018 đến ngày 20/01/2020 là 21 tháng x 500.000 đồng/tháng là 10.500.000 đồng.

Về án phí và các chi phí tố tụng khác đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Công ty Cổ phần V phải di dời trang thiết bị gồm các trụ neo bằng bê tông, các bình ắc quy, hộp điện bằng thiếc, các loại dây cáp điện treo trên Ăngten, cột Ăngten bằng thép, dây cáp chằng cột Ă, trả lại diện tích 378m², thửa đất số 480, 481, 482, 483 (nay là các thửa 1171, 1172, 1173, 1174), cùng tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh và yêu cầu trả tiền thuê đất từ ngày 01/7/2017 đến ngày 16/4/2018 là 08 tháng 15 ngày x 2.700.000 đồng/tháng là 22.950.000 đồng và tiền chi phí duy trì bảo vệ trạm trong thời gian tạm ngừng hợp đồng từ ngày 20/4/2018 đến ngày 20/01/2020 là 21 tháng x 500.000 đồng/tháng là 10.500.000 đồng. Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là “Tranh chấp hợp đồng thuê mặt bằng lắp đặt Ăngten Viễn Thông” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Bị đơn Công ty Cổ phần V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần V tháo dỡ trang thiết bị gồm các trụ neo bằng bê tông, các bình ắc quy, hộp điện bằng thiếc, các loại dây cáp điện treo trên Ăngten, cột Ăngten bằng thép, dây cáp chằng cột Ă, trả lại diện tích 378m², thửa đất số 480, 481, 482, 483 (nay là các thửa 1171, 1172, 1173, 1174), cùng tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho ông Nguyễn Thực H và tiền thuê nhà trạm từ ngày 01/7/2017 đến ngày 16/4/2018 là 08 tháng 15 ngày x 2.700.000 đồng/tháng là 22.950.000 đồng, tiền chi phí duy trì bảo vệ trạm trong thời gian tạm ngừng hợp đồng từ ngày 20/4/2018

đến ngày 20/01/2020 là 21 tháng x 500.000 đồng/tháng là 10.500.000 đồng, thấy rằng:

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận là ngày 22/01/2010, giữa hai bên có ký kết hợp đồng thuê diện tích đất lắp đặt trạm Ăngten số 31322/2010/HDLĐT-GM, mã trạm TV-5740D với giá thuê 2.700.000 đồng/tháng, thời hạn thuê 05 năm, diện tích đất thuê là 378m² nằm trong các thửa đất số 480, 481, 482, 483 (nay là các thửa 1171, 1172, 1173, 1174), tờ bản đồ số 13, tọa lạc khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Ngày 30/12/2014 hai bên tiếp tục ký phụ lục hợp đồng để gia hạn thời gian thuê đất thêm 05 năm tính từ ngày 27/01/2015 đến ngày 27/01/2019. Sau đó ngày 20/4/2018 hai bên có lập biên bản tạm ngừng hợp đồng thuê trạm Ăngten viễn thông đến ngày 20/3/2020 bị đơn Công ty cổ phần V có văn bản đề nghị tạm ngừng hợp đồng mặt bằng, cơ sở hạ tầng lắp đặt trạm BTS. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê tài sản theo hợp đồng thuê và đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc chấm dứt hợp đồng cho thuê mặt bằng lắp đặt trạm Ăngten Viễn thông giữa ông Nguyễn Thực H và Công ty Cổ phần V. Đồng ý thanh toán tiền thuê nhà trạm nêu trên từ ngày 01/7/2017 đến ngày 16/4/2018 là 08 tháng 15 ngày x 2.700.000 đồng/tháng là 22.950.000 đồng, tiền chi phí duy trì bảo vệ trạm trong thời gian tạm ngừng hợp đồng từ ngày 20/4/2018 đến ngày 20/01/2020 là 21 tháng x 500.000 đồng/tháng là 10.500.000 đồng và đồng ý tháo dỡ các tài sản của Công ty để trả lại phần diện tích đất đã thuê cho ông H nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 481, 482 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có yêu cầu được lùi thời hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền thuê còn nợ là 22.950.000 đồng và tiền chi phí duy trì bảo vệ trạm trong thời gian tạm ngừng hợp đồng là 10.500.000 đồng và tại bản tự khai ngày 28/6/2023 ông Nguyễn Hữu L là người đại diện của Công ty cổ phần V cung cấp cho Tòa án thì bị đơn Công ty cổ phần V đề nghị ông Nguyễn Thực H xóa khoản nợ 22.950.000 đồng và Công ty cổ phần V1 thời hạn tháo dỡ trạm TV5740 là 03 tháng nhưng yêu cầu này của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang phù hợp quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn Công ty Cổ phần V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.672.500 đồng và án phí di dời tài sản là 300.000 đồng, tổng cộng 1.972.500 đồng.

[6] Về chi phí thẩm định: Công ty Cổ phần V phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 157, 227, 228, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 472, 473, 474, 481, 482, 579 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 166 Luật đất đai.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thực H.

- Buộc Công ty Cổ phần V phải di dời các tài sản gồm: Một (01) trụ Ăngten bằng thép, 04 trụ neo bằng bê tông có dây chằng trụ Ă, bình ắc quy, tủ điều khiển bằng thép, dây cáp điện treo trên trụ Ăngten, ra khỏi phần diện tích 378m², thửa đất số 1171, 1172, 1173, 1174, cùng tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Nguyễn Thực H, bà Nguyễn Thị Von G đứng tên quyền sử dụng đất.

- Buộc Công ty Cổ phần V phải trả lại cho ông Nguyễn Thực H diện tích đất đã thuê là 378m², thửa đất số 1171, 1172, 1173, 1174, cùng tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Nguyễn Thực H, bà Nguyễn Thị Von G đứng tên quyền sử dụng đất (có sơ đồ khu đất kèm theo).

- Buộc Công ty Cổ phần V phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thực H tổng số tiền 33.450.000 đồng. Trong đó tiền thuê đất còn nợ là 22.950.000 đồng, tiền chi phí duy trì bảo vệ trạm trong thời gian tạm ngừng hợp đồng là 10.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí thẩm định: Buộc Công ty Cổ phần V phải chịu số tiền 600.000 đồng chi phí thẩm định tại chỗ. Ông Nguyễn Thực H đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định 600.000 đồng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh thu số tiền 600.000 đồng từ Công ty Cổ phần V để trả lại cho ông Nguyễn Thực H.

3. Về án phí: Buộc Công ty Cổ phần V phải chịu 1.972.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CC THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Hùng Anh